

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 242/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 06 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4990/QĐ-BNN-VP ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 26/TTr-SNN ngày 03/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 11 thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm cập nhật thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (*chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành*).

- UBND cấp xã thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị (*nếu có*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *anh*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *anh*



Lê Tấn Hồ

PHỤ LỤC**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 242/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP: 01 TTHC							
1	1.003596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông (cấp xã)	60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã.	Không	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
I. LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG: 01 TTHC							
2	1.008838	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã.	Không	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 của Quốc hội - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 3480/QĐ-BNN-KHCN ngày 01/9/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
II. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI: 05 TTHC							
1	2.002163	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	07 ngày kể từ ngày nhận được kê khai.		Không	Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 19/01/2017 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày



TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	2.002162	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã.	Không	Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 19/01/2017 của Chính phủ	11/9/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
3	2.002161	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	Không				
4	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không		
5	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã.	Không	Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
III. LĨNH VỰC THỦY LỢI: 03 TTHC							
1	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương	07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017 - Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)					
2	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
3	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không		

IV. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT: 01 TTHC

1	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	- Luật Trồng trọt năm 2018 số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 151/QĐ-BNN ngày 09/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Thực hiện theo Quyết định số 151/QĐ-BNN ngày 09/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
---	----------	--	---	---	-------	---	---

